TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/DS-ST
Ngày: 17/4/2026
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Lâm

2. Ông Phạm Hồng Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long***: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2026/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bạch Ngọc T, sinh năm 1977 – Chủ Hộ Kinh Doanh Đại lý N1. Số căn cước công dân: 083077017365 do Cục C về TTXH cấp ngày 20/12/2021.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy T1, sinh năm 1997. Số căn cước công dân: 083197001754 do Cục C về TTXH cấp ngày 21/9/2022.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2026).

- *Bị đơn*: 1. Ông Lý Khắc N, sinh năm 1979. Số căn cước công dân: 083079015948 (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1981. Số căn cước công dân: 091181008620 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/6/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T1 trình bày:

Từ ngày 04/5/2019 đến ngày 18/5/2022, Hộ kinh doanh Đại lý N1 (gọi tắt là Ngọc T) có bán thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm cho ông Lý Khắc N và bà Trần Thị T2. Việc mua bán không lập thành văn bản. Theo đó, Ngọc T bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông Lý Khắc N, bà Trần Thị T2. Đến cuối vụ, ông N và bà T2 phải thanh toán dứt điểm công nợ cho Ngọc T.

Trong quá trình giao dịch, ông N và bà T2 không trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho Ngọc T. Đến ngày 14/6/2022, đôi bên có chốt lại tiền nợ, theo đó ông N và bà T2 còn nợ Ngọc T số tiền 309.470.000 đồng. Ngọc T đã nhiều lần yêu cầu ông N và bà T2 thanh toán nợ nhưng ông bà không thực hiện.

Do đó, nguyên đơn ông Bạch Ngọc T – Chủ Hộ Kinh Doanh Đại lý N1 khởi kiện yêu cầu ông Lý Khắc N, bà Trần Thị T2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 309.470.000 đồng. Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Lý Khắc N, bà Trần Thị T2 trả tiền lãi 59.505.923 đồng và tiền lãi theo mức 0.83%/tháng từ ngày 20/5/2025 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lý Khắc N và bà Trần Thị T2 vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử gồm: lập hồ sơ vụ án, lập biên bản xác minh, tiến hành mở phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại các Điều 97, 204, 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ

làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 430, 434, 440, 468 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bạch Ngọc T – Chủ Hộ Kinh Doanh Đại lý N1, buộc bị đơn ông Lý Khắc N, bà Trần Thị T2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 309.470.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả tiền lãi.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: đương sự nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Bạch Ngọc T – Chủ Hộ Kinh Doanh Đại lý N1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Lý Khắc N, bà Trần Thị T2 có địa chỉ tại ấp P, xã L, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lý Khắc N, bà Trần Thị T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà T2.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Lý Khắc N trả số tiền nợ gốc 309.470.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là sổ giao nhận hàng có nội dung thể hiện quá trình mua bán, giao nhận hàng giữa đôi bên kéo dài từ ngày 04/5/2019 đến ngày 18/5/2022, trong đó bên mua có nhiều lần thanh toán, nợ lại tiền. Cuối sổ giao hàng có nội dung "*ngày 14/6/2022… TC 309.470.000 Ba trăm lẻ chín triệu*

bốn trăm bảy chục nghìn", bên cạnh có chữ ký tên, chữ ghi họ và tên "*Lý Phi H (Lý Khắc N)*". Tại biên bản xác minh ngày10/02/2026 của Tòa án cho thấy ông Lý Khắc N có tên thường gọi là Lý Phi H.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ cho ông N, bà T2 để nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, cụ thể là sổ giao nhận hàng có nội dung chốt nợ nhưng ông N, bà T2 không có văn bản trình bày ý kiến. Ông N, bà T2 cũng không đến tòa tham gia phiên họp và phiên hòa giải theo thông báo của Tòa là hoàn toàn từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình.

Do đó, Căn cứ vào sổ giao nhận hàng giữa đôi bên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Do ông N chậm thanh toán tiền và hai bên không có thỏa thuận về lãi suất nên căn cứ vào Điều 440, 357 Bộ luật dân sự, ông N phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông N, bà T2 trả số tiền lãi 59.505.923 đồng và tiền lãi theo mức 0.83%/tháng từ ngày 20/5/2025 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Xét thấy, đây là yêu cầu tự nguyện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với bà Trần Thị T2, theo kết quả xác minh tại địa phương và văn bản cung cấp thông tin dữ liệu cá nhân của Công an xã L thì ông Lý Khắc N và bà Trần Thị T2 có quan hệ vợ chồng, đôi bên chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, hiện ông N và bà T2 vẫn đang sống chung và làm ăn chung tại địa phương. Xét thấy, khoản nợ trên phát sinh trong quá trình ông N và bà T2 sống chung và phục vụ cho việc làm ăn chung của ông bà (nuôi tôm). Do đó, căn cứ Điều 288 Bộ luật dân sự, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà T2 liên đới cùng ông N trả số nợ 309.470.000 đồng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 309.470.000 đồng x 5% = 15.473.500 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bạch Ngọc T – Chủ Hộ Kinh Doanh Đại lý N1. Buộc bị đơn ông Lý Khắc N và bà Trần Thị T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bạch Ngọc T – Chủ Hộ Kinh Doanh Đại lý N1 số tiền 309.470.000 (Ba trăm lẻ chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bị đơn ông Lý Khắc N và bà Trần Thị T2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 15. 473.500 (Mười lăm triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm) đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.224.398 (Chín triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008025 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

Giả Huệ Tiên